

Số: /QĐ-ĐHQN

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho học viên cao học
Đợt tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021 Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Quy Nhơn; Quyết định số 59/QĐ-ĐHQN ngày 09/01/2023 về việc bổ sung vào Phụ lục 1 văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ trong Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 2705/ĐHQN ngày 21/10/2021;

Căn cứ Kế hoạch số 2862/KH-ĐHQN ngày 29/9/2025 của Hiệu trưởng về việc xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ dành cho học viên khoá 26B (11/2023-2025) và một số học viên khoá 26A (7/2023-2025), 25AB (2022-2024) và 24B (12/2021-2023) - Đợt xét tốt nghiệp tháng 11 năm 2025; Thông báo số 412/TB-ĐHQN ngày 05/11/2025 của Hiệu trưởng về việc điều chỉnh Kế hoạch xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ đợt tháng 11 năm 2025 của Kế hoạch số 2826/KH-ĐHQN ngày 29/9/2025;

Căn cứ Biên bản số 227/BB-XTN ngày 05/12/2025 của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, đợt tháng 12 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 94 (chín mươi bốn) học viên cao học, đợt xét tốt nghiệp thạc sĩ tháng 12 năm 2025, có danh sách và bảng điểm toàn khoá kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng khoa, các Trưởng đơn vị liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

**DANH SÁCH HỌC VIÊN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ
ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQN ngày 05/12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	TTN	Ngành đào tạo	Mã ngành	Họ và tên học viên	Giới	Ngày sinh	Mã số HV	Khoá
1	1	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	8140110	Đinh Thị Chí	Nữ	27/06/2001	8262111001	26B
2	2	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	8140110	Mạc Uyển Nhi	Nữ	24/04/2000	8262111007	26B
3	3	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	8140110	Phan Thị Quỳnh Nhi	Nữ	28/11/2001	8262111008	26B
4	1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	8140111	Lê Thị Thu Hương	Nữ	15/10/2000	8262170003	26B
5	2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	8140111	Phạm Thanh Thuý	Nữ	28/11/2000	8262170005	26B
6	3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	8140111	Trịnh Trương Triền	Nữ	27/07/2001	8262170006	26B
7	4	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	8140111	Bùi Bích Phương	Nữ	14/11/1995	8261170025	26A
8	1	Ngôn ngữ Anh	8220201	Nguyễn Anh Điền	Nam	30/01/1998	8262751001	26B
9	2	Ngôn ngữ Anh	8220201	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	22/08/2000	8262751003	26B
10	3	Ngôn ngữ Anh	8220201	Huỳnh Phạm Diễm Quỳnh	Nữ	18/04/1999	8262751004	26B
11	4	Ngôn ngữ Anh	8220201	Hồ Thái Bảo Quỳnh	Nữ	08/10/2001	8262751005	26B
12	5	Ngôn ngữ Anh	8220201	Nay Kpă Thảo Linh	Nữ	22/12/2000	8261751008	26A
13	6	Ngôn ngữ Anh	8220201	Nguyễn Anh Thư	Nữ	03/09/1998	8261751012	26A
14	1	Quản lý giáo dục	8140114	Phạm Xuân Thiên	Nam	14/03/1983	8262106002	26B

TT	TTN	Ngành đào tạo	Mã ngành	Họ và tên học viên	Giới	Ngày sinh	Mã số HV	Khoá
15	2	Quản lý giáo dục	8140114	Nguyễn Thị Nguyên Thơ	Nữ	01/02/1992	8262106003	26B
16	3	Quản lý giáo dục	8140114	Bế Văn Trà	Nam	07/01/1987	8251106014	25A
17	4	Quản lý giáo dục	8140114	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	27/03/1997	8251106005	25A
18	1	Ngôn ngữ học	8229020	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	19/12/1992	8262703003	26B
19	2	Ngôn ngữ học	8229020	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	28/10/1998	8262703005	26B
20	3	Ngôn ngữ học	8229020	Nguyễn Minh Thư	Nữ	26/06/1997	8262703007	26B
21	4	Ngôn ngữ học	8229020	Lê Thị Hải Yến	Nữ	04/07/1985	8262703010	26B
22	5	Ngôn ngữ học	8229020	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	Nữ	08/04/1997	8242703003	24B
23	1	Văn học Việt Nam	8220121	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	02/01/2000	8251704001	25A
24	2	Văn học Việt Nam	8220120	Đặng Thị Thùy Vinh	Nữ	16/01/1995	8242704025	24B
25	3	Văn học Việt Nam	8220121	Nguyễn Hương Quỳnh	Nữ	02/11/2000	8251704010	25A
26	1	Quản lý kinh tế	8310110	Đinh Quốc Bảo	Nam	02/08/1985	8262764001	26B
27	2	Quản lý kinh tế	8310110	Phạm Thị Thúy Diễm	Nữ	19/04/1990	8262764002	26B
28	3	Quản lý kinh tế	8310110	Võ Thị Như Hiền	Nữ	03/12/1975	8262764007	26B
29	4	Quản lý kinh tế	8310110	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	14/02/1981	8262764008	26B
30	5	Quản lý kinh tế	8310110	Cao Anh Phương	Nữ	07/01/2001	8262764011	26B
31	6	Quản lý kinh tế	8310110	Phạm Hữu Tín Toàn	Nam	01/10/1984	8262764017	26B
32	7	Quản lý kinh tế	8310110	Nguyễn Văn Ý	Nam	22/08/1997	8262764021	26B
33	8	Quản lý kinh tế	8310110	Nguyễn Xuân Tiến	Nam	22/04/1998	8242764030	24B
34	9	Quản lý kinh tế	8310110	Phạm Thị Vang	Nữ	13/09/1999	8251764027	25A
35	10	Quản lý kinh tế	8310110	Lê Thị Hằng	Nữ	22/06/1989	8252664005	25B

TT	TTN	Ngành đào tạo	Mã ngành	Họ và tên học viên	Giới	Ngày sinh	Mã số HV	Khoá
36	1	Chính trị học	8310201	Ngô Hoàng Khánh Duy	Nam	03/10/2000	8262761002	26B
37	2	Chính trị học	8310201	Nguyễn Thành Quý	Nam	13/12/2000	8262761005	26B
38	3	Chính trị học	8310201	Đặng Thị Sỷ	Nữ	01/08/1988	8262761007	26B
39	4	Chính trị học	8310201	Huỳnh Thanh Tâm	Nam	20/11/1978	8262761008	26B
40	5	Chính trị học	8310201	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	06/11/1980	8262761010	26B
41	6	Chính trị học	8310201	Phạm Trịnh Tuyết Vinh	Nữ	27/11/1995	8262761013	26B
42	1	Quản trị kinh doanh	8340101	Trần Châu Ân	Nam	25/01/1974	8262335001	26B
43	2	Quản trị kinh doanh	8340101	Võ Minh Anh	Nam	02/01/1992	8262335002	26B
44	3	Quản trị kinh doanh	8340101	Lê Hoàng Bảo	Nam	25/02/1975	8262335003	26B
45	4	Quản trị kinh doanh	8340101	Phạm Văn Cài	Nam	12/01/1990	8262335004	26B
46	5	Quản trị kinh doanh	8340101	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	24/04/1978	8262335008	26B
47	6	Quản trị kinh doanh	8340101	Nguyễn Võ An Lạc	Nam	14/10/1998	8262335010	26B
48	7	Quản trị kinh doanh	8340101	Phạm Thị Yến My	Nữ	09/06/2001	8262335011	26B
49	8	Quản trị kinh doanh	8340101	Trần Thị Mỹ Phương	Nữ	23/09/1988	8262335013	26B
50	9	Quản trị kinh doanh	8340101	Đoàn Ngọc Sáng	Nam	03/06/1992	8262335014	26B
51	10	Quản trị kinh doanh	8340101	Trần Xuân Sơn	Nam	30/10/1993	8262335015	26B
52	11	Quản trị kinh doanh	8340101	Đỗ Anh Tiến	Nam	29/07/1994	8262335020	26B
53	12	Quản trị kinh doanh	8340101	Nguyễn Văn Trung	Nam	10/09/1975	8262335022	26B
54	13	Quản trị kinh doanh	8340101	Bùi Đoàn Trung	Nam	03/07/1975	8262335023	26B
55	14	Quản trị kinh doanh	8340101	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	12/10/1994	8262335027	26B
56	15	Quản trị kinh doanh	8340101	Lê Nhật Thảo Vy	Nữ	27/02/2001	8262335030	26B

TT	TTN	Ngành đào tạo	Mã ngành	Họ và tên học viên	Giới	Ngày sinh	Mã số HV	Khoá
57	16	Quản trị kinh doanh	8340101	Nguyễn Hoàng Bảo	Nam	30/10/1993	8252335001	25B
58	1	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Trần Thị Lan Anh	Nữ	16/10/1984	8262345001	26B
59	2	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Nguyễn Thị Ngọc Bảo	Nữ	25/07/1991	8262345003	26B
60	3	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Hồ Trình Thị Thu Cúc	Nữ	12/10/1986	8262345004	26B
61	4	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Phan Thị Hồng Đức	Nữ	02/12/1993	8262345005	26B
62	5	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Nguyễn Thị Hồng Hằng	Nữ	26/03/1988	8262345007	26B
63	6	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Trương Thị Hoa	Nữ	12/11/1984	8262345008	26B
64	7	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Nguyễn Thị Kiều My	Nữ	27/01/1991	8262345010	26B
65	8	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Trương Thị Thiên Nga	Nữ	01/07/1980	8262345012	26B
66	9	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Phan Thanh Nhất	Nam	08/02/1987	8262345013	26B
67	10	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Phạm Thị Bích Quê	Nữ	08/02/1988	8262345015	26B
68	11	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Trần Thị Cẩm Quy	Nữ	10/01/1996	8262345016	26B
69	12	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Nguyễn Chí Thành	Nam	03/08/1996	8262345018	26B
70	13	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Võ Phú Thịnh	Nam	19/02/1992	8262345019	26B
71	14	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Hồ Gia Thuận	Nam	19/03/2001	8262345020	26B
72	15	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	28/04/1992	8262345021	26B
73	16	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Trần Thị Hồng Vân	Nữ	02/02/1980	8262345022	26B
74	17	Tài chính-Ngân hàng	8340201	Trần Thành Việt	Nam	06/04/1998	8262345023	26B
75	1	Kế toán	8340301	Đỗ Quang Quỳnh Anh	Nữ	19/08/1996	8262301001	26B
76	2	Kế toán	8340301	Nguyễn Thị Thanh Thu	Nữ	21/12/1991	8262301012	26B
77	3	Kế toán	8340301	Nguyễn Thị Thường	Nữ	10/03/1989	8262301013	26B

TT	TTN	Ngành đào tạo	Mã ngành	Họ và tên học viên	Giới	Ngày sinh	Mã số HV	Khoá
78	4	Kế toán	8340301	Đinh Thị Việt Trinh	Nữ	10/08/1992	8262301014	26B
79	1	Vật lý chất rắn	8440104	Nguyễn Bá An	Nam	18/08/1983	8262412001	26B
80	2	Vật lý chất rắn	8440104	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	15/10/1988	8262412002	26B
81	3	Vật lý chất rắn	8440104	Nguyễn Thị Lam	Nữ	02/11/1989	8262412004	26B
82	4	Vật lý chất rắn	8440104	Nguyễn Trọng Nguyên	Nam	21/10/2001	8262412005	26B
83	1	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	Võ Thị Ngọc Ánh	Nữ	10/11/1990	8262419002	26B
84	2	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	Võ Viết Linh	Nam	15/10/1995	8262419003	26B
85	3	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	Huỳnh Văn Trầm	Nam	10/01/1995	8262419008	26B
86	4	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	Trần Thị Minh Kiên	Nữ	03/09/1995	8242419004	24B
87	1	Phương pháp toán sơ cấp	8460113	Bùi Thị Huệ	Nữ	30/10/1984	8262592001	26B
88	2	Phương pháp toán sơ cấp	8460113	Nguyễn Thị Thiện	Nữ	15/02/1992	8262592007	26B
89	3	Phương pháp toán sơ cấp	8460113	Vũ Nguyễn Thảo My	Nữ	11/07/2001	8262592002	26B
90	1	Toán giải tích	8460102	Hồ Văn Tư	Nam	03/03/1996	8261593011	26A
91	1	Khoa học dữ liệu	8460108	Lê Thị Thu Ngân	Nữ	05/07/2001	8262548006	26B
92	2	Khoa học dữ liệu	8460108	Nguyễn Đại Thành	Nam	11/10/1999	8262548007	26B
93	3	Khoa học dữ liệu	8460108	Nguyễn Thị Phúc Loan	Nữ	25/08/2001	8262548004	26B
94	1	Khoa học dữ liệu ứng dụng	8904648	Huỳnh Trí An	Nam	01/11/1992	8242548001	24B

Danh sách có 94 học viên/17 ngành./.